

Bản án số: 01/2022/DS-PT

Ngày 10/01/2022

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bé.

Các Thẩm phán: Nguyễn Hữu Thị Hảo Hảo.

Ông Trần Hoài Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Ngân- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng: Bà Võ Hồng Thắng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 60/2021/TLPT-DS ngày 09 tháng 11 năm 2021 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 116/2021/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 54/2021/QĐ-PT ngày 07/12/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 97/2021/QĐ-PT ngày 24/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Kim P, sinh năm 1956; địa chỉ: Số 39 đường D, phường N, quận S, TP. Đ. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Lê V, sinh

năm 1996; địa chỉ: 71 đường T, phường H, quận T, thành phố Đ (theo Giấy ủy quyền ngày 12/3/2021). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị T, sinh năm 1964; Địa chỉ: Số 47 đường L, tổ 59 phường K, quận C, thành phố Đ. (Có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Trần Thị T là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Nguyên đơn là bà Trần Thị Kim P và người đại diện theo ủy quyền của bà P trình bày:* Ngày 03/8/2018, bà Trần Thị Kim P cho bà Trần Thị T vay số tiền 750.000.000 đồng và thỏa thuận tiền lãi 03 tháng là 75.000.000 đồng. Mục đích vay làm giấy tờ nhà đất và chi tiêu trong gia đình, có viết giấy cam kết vay tiền và hẹn trong vòng 90 ngày, kể từ ngày 03/6/2018 đến ngày 03/9/2018 sẽ trả cho bà P. Nếu không trả đúng thời hạn thì coi như bà T đã bán nhà hoặc đất cho bà P. Mặc dù bà P đã nhiều lần yêu cầu bà T thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nhưng đến nay bà T vẫn không chịu trả số tiền 750.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, bà P yêu cầu bà T trả 03 loại lãi: lãi quá hạn, lãi trong hạn, lãi phạt chậm trả lãi, nhưng tại phiên tòa bà P chỉ yêu cầu tính lãi 9%/năm từ ngày 04/9/2018 đến ngày 04/9/2021 là 202.500.000 đồng. Tổng cộng bà T yêu cầu trả cả gốc và lãi là 952.500.000 đồng.

- *Bị đơn là bà Trần Thị T trình bày:* Bà T xác nhận vào ngày 03/8/2018, bà có ký vào giấy cam kết vay tiền với bà Trần Thị Kim P nhưng bà không vay số tiền 750.000.000 đồng. Nay bà Trần Thị Kim P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà trả số tiền nợ gốc là 750.000.000 đồng và tiền lãi bà không đồng ý.

Với nội dung nói trên, Bản án dân sự sơ thẩm số: 116/2021/DS-ST ngày 27/9/2021 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng đã xử và quyết định:

Căn cứ vào các điều 280, 357, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 147, 186, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của

Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim P đối với bà Trần Thị Thu về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tiền*”.

1. Xử buộc bà Trần Thị T phải trả cho bà Trần Thị Kim P số tiền 952.500.000 đồng (chín trăm năm mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng).

2. Đình chỉ yêu cầu tính lãi trong hạn với số tiền 36.986.301 đồng và lãi phạt lãi chậm trả là 911.991 đồng.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị T phải chịu là 40.575.000 đồng (bốn mươi triệu năm trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

Bà Trần Thị Kim P được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ngoài ra án sơ thẩm còn thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự biết theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/10/2021, bà T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung số tiền gốc 750.000.000 đồng là không đúng với sự thật, bà chỉ nhận 250.000.000 đồng và số tiền đó được chia nhỏ nhận nhiều lần, không nhận một lần, đề nghị đem các bản hợp đồng bà P đã giữ trước đây để đối chiếu với số tiền vay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Lê V có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét kháng cáo của bà Trần Thị T thì thấy: Căn cứ vào Giấy cam kết vay tiền ngày 03/8/2018, thể hiện bà P có cho bà T vay số tiền 750.000.000 đồng. Bà P và bà T thỏa thuận số tiền lãi của 3 tháng là 75.000.000 đồng. Tổng cộng: 825.000.000 đồng. Mục đích vay để nộp thuế đất cho Nhà nước và chi tiêu trong gia đình. Hẹn trong vòng 90 ngày kể từ ngày 03/6/2018 đến ngày 03/9/2018 nếu không trả đúng hạn thì coi như đã bán nhà hoặc đất cho bà Trần Thị Kim P. Căn cứ vào Giấy cam đoan để vay tiền ngày 03/8/2018 do bà Trần Thị T ký tên, điểm chỉ thể hiện vay 750.000.000 đồng (chia làm 3 đợt: Ngày 03/6/2018, bà T vay 300.000.000 đồng để làm giấy tờ nhà đất của cha mẹ chồng; tháng 07/2018, bà T vay tiếp 300.000.000 đồng để trả nợ nần vì trước đây nợ của mọi người lo cho chồng bị ung thư; tháng 08/2018, bà T vay tiếp của Phương 150.000.000 đồng để lo tổ chức đám cưới cho con trai). Việc ký vào Giấy cam kết vay tiền và Giấy cam đoan để vay tiền vào ngày 03/8/2018 được bà T thừa nhận. Tuy nhiên, bà T cho rằng bà biết chữ nhưng tin tưởng bà P nên không đọc vào giấy vay tiền, thực chất bà T chỉ vay 250.000.000 đồng vào đầu năm 2021 để làm giấy tờ nhà đất. HĐXX phúc thẩm xét thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T khai nại chỉ vay bà P 250.000.000 đồng vào đầu năm 2021 để làm giấy tờ nhà, đất nhưng bà T không xuất trình được giấy vay tiền thể hiện tại thời điểm này, đồng thời cũng không xuất trình được chứng cứ giữa bà T và bà P đã thanh toán xong khoản nợ vay vào ngày 03/8/2018. Mặt khác, tại biên bản ghi lời khai ngày 11/02/2020 của Cơ quan Công an thành phố Đà Nẵng, bà T thừa nhận: *“...đến ngày 03/8/2018, chị P soạn sẵn giấy cam đoan để vay tiền để tổng hợp lại tổng số tiền tôi đã mượn từ trước đó là 750.000.000 đồng. Tôi đã thống nhất và ký tên điểm chỉ vào giấy này. Nhưng đến nay tôi vẫn chưa trả lãi và gốc cho chị P. Tôi xác nhận số nợ đối với chị P là 750.000.000 đồng. Tất cả số tiền đã mượn của chị P, tôi đều đưa lại cho*

bà Dung là người do chị P giới thiệu để nhờ chị làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với lô đất 47 Lê Ngân, thành phố Đà Nẵng''. Tại biên bản ghi lời khai ngày 04/3/2020 của Cơ quan Công an thành phố Đà Nẵng thể hiện: ''Những lần nhận tiền vay của bà P thì nhận tại nhà của bà P, tôi nhận trực tiếp từ bà P nhưng không có ai biết hay chứng kiến''. Như vậy cho thấy bà T khai nại bà chỉ vay của bà P số tiền 250.000.000 đồng vào đầu năm 2021 để làm giấy tờ nhà đất, trong khi đó Cơ quan Công an thành phố Đà Nẵng đã tiến hành làm việc với bà T về việc vay tiền của bà P vào thời điểm năm 2020. Do đó, lời khai của bà T là không phù hợp. Cấp sơ thẩm buộc bà T phải có nghĩa vụ trả cho bà P số tiền 750.000.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ.

[2.2] Xét yêu cầu tính lãi của bà Trần Thị Kim P thì thấy: Bà P yêu cầu tính lãi suất 9%/năm từ ngày 04/9/2018 đến ngày 04/9/2021 là có lợi cho bị đơn và cấp sơ thẩm đã tính 202.500.000 đồng là đúng pháp luật nên chấp nhận.

[3] Việc bà T cho rằng sau khi nhận tiền vay từ bà P, bà T đã đưa tiền cho bà Dung (là người do bà P giới thiệu) để làm giấy tờ nhà đất là một quan hệ giao dịch khác nên sau này có tranh chấp thì bà T khởi kiện bà Dung bằng vụ án dân sự khác.

[4] Từ những phân tích trên, HĐXX không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Thu.

[5] Về án phí DSST: Bà Trần Thị Kim P thuộc trường hợp là người cao tuổi nên căn cứ điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà P được xét miễn tiền tạm ứng án phí. Riêng đối với bà Trần Thị T có đơn xin giảm tiền án phí do UBND phường Khuê Trung xác nhận bà Trần Thị T có hộ khẩu thường trú tại địa phương nên không thuộc hộ nghèo, cận nghèo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 để xét miễn án phí đối với bà T được nên bà T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Do không chấp nhận kháng cáo nên bị đơn bà Trần Thị T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[7] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án sơ thẩm với nội dung không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị T.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 296, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 280, 357, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị T.
2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 116/2021/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.
3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim P đối với bà Trần Thị T về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.
- 3.1. Đình chỉ yêu cầu tính lãi trong hạn với số tiền 36.986.301 đồng và lãi phạt lãi chậm trả là: 911.991 đồng.
- 3.2. Buộc bà Trần Thị T phải có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Kim P số tiền nợ gốc: 750.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 04/9/2018 đến ngày 04/9/2021 là: 202.500.000 đồng. Tổng cộng tiền gốc và lãi: 952.500.000 đồng (Chín trăm năm mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn

phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Án phí DSST: Bà Trần Thị T phải chịu là 40.575.000 đồng (Bốn mươi triệu năm trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

5. Án phí DSPT: Bà Trần Thị T phải chịu là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001517 ngày 14/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THA dân sự quận Cẩm Lệ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Bé